

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 235/QĐ-SIU ngày 01 tháng 6 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tự thực Quốc tế Sài Gòn)

Tên chương trình đào tạo:	Cử nhân Ngôn ngữ Anh
Trình độ đào tạo:	Đại học
Loại hình đào tạo:	Chính quy
Ngành đào tạo:	Ngôn ngữ Anh
Mã số:	7220201
Chuyên ngành đào tạo:	Tiếng Anh giảng dạy Tiếng Anh thương mại

1. Mục tiêu của chương trình đào tạo (Programme Objectives - POs):

1.1. Mục tiêu chung:

Chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh nhằm đào tạo ra các cử nhân có đủ kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp, phẩm chất, đạo đức, tác phong nghề nghiệp, có khả năng làm việc trong các lĩnh vực chuyên môn có sử dụng tiếng Anh ở địa phương, khu vực và quốc tế, và có thể theo học tiếp tục bậc học cao học và nghiên cứu sinh.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

Chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh được thiết kế nhằm trang bị cho sinh viên:

- **PO1:** Kiến thức khoa học xã hội và nhân văn, công nghệ thông tin cần thiết đối với một sinh viên ngành ngôn ngữ;
- **PO2:** Kiến thức về các kỹ năng ngôn ngữ và giao tiếp tiếng Anh để giúp sinh viên có thể trở thành người sử dụng ngôn ngữ, nhà giáo dục và dịch giả;
- **PO3:** Kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức, quản lý, và điều hành hoạt động trong lĩnh vực thương mại và giảng dạy tiếng Anh;
- **PO4:** Năng lực sử dụng thành thạo các kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Anh tương đương bậc 5 theo khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam; ngoại ngữ thứ hai tương đương bậc 3;
- **PO5:** Kỹ năng mềm cá nhân, làm việc theo nhóm, tự học, quản lý và lãnh đạo;
- **PO6:** Khả năng lập luận tư duy, phản biện và giải quyết vấn đề, khả năng nghiên cứu và khám phá kiến thức; năng lực sáng tạo, phát triển và dẫn dắt sự thay đổi trong nghề nghiệp.

2. Chuẩn đầu ra (Program Learning Outcomes - PLOs):

Nhóm các PLOs	Nội dung chuẩn đầu ra
Kiến thức	PLO1: Vận dụng kiến thức khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, triết học, chính trị, và pháp luật vào hoạt động chuyên môn trong lĩnh vực ngôn ngữ, văn hóa, và xã hội; PLO2: Vận dụng kiến thức lý thuyết sâu, rộng phù hợp với ngành được đào tạo; kiến thức thực tế vào các hoạt động trong lĩnh vực tiếng Anh thương mại và giảng dạy tiếng Anh; PLO3: Áp dụng thành thạo kiến thức và kỹ năng tin học trong hoạt động chuyên môn, nghiên cứu và cuộc sống; PLO4: Vận dụng kiến thức về phương pháp nghiên cứu khoa học thuộc lĩnh vực chuyên ngành được đào tạo để nâng cao trình độ chuyên môn và tiếp tục học tập ở bậc học cao hơn; PLO5: Áp dụng kiến thức cơ bản về quản lý công việc và sắp xếp thời gian, hợp tác và làm việc theo nhóm, chia sẻ và phân công nhiệm vụ vào công việc chuyên môn;
Kỹ năng	PLO6: Thực hiện giải quyết hiệu quả các vấn đề phát sinh trong lĩnh vực tiếng Anh thương mại và thực tiễn hoạt động giảng dạy; PLO7: Thể hiện khả năng phân tích, tổng hợp, đánh giá, phản biện dữ liệu và thông tin, ý kiến tập thể và những thành tựu mới về khoa học công nghệ để giải quyết những vấn đề thực tế hay trừu tượng trong lĩnh vực chuyên ngành được đào tạo; PLO8: Phát triển các kỹ năng mềm cá nhân, làm việc theo nhóm, quản lý và lãnh đạo trong môi trường làm việc sử dụng tiếng Anh, dẫn dắt sự thay đổi trong nghề nghiệp; PLO9: Phát triển các kỹ năng trong giao tiếp như: nghe hiểu, phân tích, tổng hợp thông tin để thuyết trình, soạn thảo văn bản, dịch thuật; PLO10: Thể hiện các kỹ năng giao tiếp tiếng Anh một cách hiệu quả, tương đương bậc 5 và ngoại ngữ 2 tương đương bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.
Mức tự chủ và trách nhiệm	PLO11: Thể hiện trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm, thái độ và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn, kỷ luật và tác phong nghề nghiệp; PLO12: Chia sẻ công việc thông qua việc hướng dẫn, giám sát, và giúp đỡ thực hiện những nhiệm vụ xác định; PLO13: Thể hiện ý thức không ngừng trau dồi và bồi dưỡng chuyên môn cho bản thân.

3. Ma trận mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:

Mục tiêu của CTĐT	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo												
	Kiến thức					Kỹ năng					Mức tự chủ và trách nhiệm		
	PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11	PLO 12	PLO 13
PO1	X		X										
PO2		X				X		X	X	X			
PO3		X				X	X	X		X		X	
PO4								X		X			
PO5				X	X		X	X			X	X	X
PO6				X		X	X				X		

4. Vị trí việc làm:

Sinh viên tốt nghiệp có khả năng giao tiếp bằng tiếng Anh thành thạo, được trang bị kiến thức khoa học xã hội, nhân văn và kiến thức chuyên môn chuyên sâu cả về lý thuyết và thực hành của ngành Ngôn ngữ Anh để đảm nhận tốt các vị trí giáo viên tại các trung tâm ngoại ngữ, các trường phổ thông cũng như các cơ sở giáo dục khác. Ngoài ra sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh có thể đảm nhận tốt các vị trí giao dịch viên, phụ trách nhân sự, truyền thông, đối ngoại, biên phiên dịch, và quản lý các cấp trong các công ty, tổ chức về thương mại, ngân hàng, xuất nhập khẩu của Việt Nam và quốc tế.

5. Thời gian đào tạo: 4 năm

6. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 123 tín chỉ

7. Tiêu chí tuyển sinh:

Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đề án tuyển sinh của Trường Đại học Tư thục Quốc tế Sài Gòn.

7.1. Đối tượng tuyển sinh: Học sinh đã tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT), theo tiêu chuẩn tuyển sinh của Bộ Giáo dục Đào tạo và tiêu chí tuyển sinh của Trường Đại học Tư thục Quốc tế Sài Gòn.

7.2. Hình thức tuyển sinh: Theo Đề án tuyển sinh của Trường Đại học Tư thục Quốc tế Sài Gòn. Đồng thời căn cứ theo các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Nhà trường.

8. Quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp:

8.1. Quy trình đào tạo:

Thực hiện theo Quy chế đào tạo hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy chế học vụ hiện hành của Trường Đại học Tự thực Quốc tế Sài Gòn.

8.2. Điều kiện tốt nghiệp:

Thực hiện theo Quy chế đào tạo hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy chế học vụ hiện hành của Trường Đại học Tự thực Quốc tế Sài Gòn.

9. Phương thức đánh giá:

Thực hiện theo Quy chế học vụ hiện hành của Trường Đại học Tự thực Quốc tế Sài Gòn.

10. Nội dung chương trình đào tạo:

10.1. Các khối kiến thức:

Khối kiến thức		Số tín chỉ	Tỉ lệ %
1. Kiến thức giáo dục đại cương		38	31
1.1	Bắt buộc	36	30
1.1.1	Lý luận chính trị	11	9
1.1.2.	Khoa học	7	6
1.1.3.	Ngoại ngữ	12	10
1.1.4.	Tin học	6	5
1.1.5.	Văn hóa	2	1
1.2	Tự chọn	2/6	1
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp		75	61
2.1.	Kiến thức cơ sở ngành	54	44
2.1.1	Bắt buộc	51	42
2.1.2	Tự chọn	3/9	2
2.2.	Kiến thức chuyên ngành	21	17
2.2.1	Bắt buộc	15	13
2.2.2	Tự chọn	6/15	4
3. Thực tập và khóa luận tốt nghiệp		10	8
Tổng cộng:		123	100%

10.2. Nội dung chi tiết:

STT	Mã HP	Tên học phần		Số TC	Phân bổ số giờ tín chỉ				Mã học phần tiên quyết (TQ)/ học trước (HT)
		Tiếng Việt	Tiếng Anh		Lý thuyết	Thực hành	Trải nghiệm	Tự học	
I.KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG									
I.1. Lý luận chính trị				11					
I.1.01	2GEN0011	Triết học Mác - Lênin	Philosophy of Marxism and Leninism	3	45			90	
I.1.02	2GEN0012	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Political Economics of	2	30			60	

STT	Mã HP	Tên học phần		Số TC	Phân bổ số giờ tín chỉ				Mã học phần tiên quyết (TQ)/ học trước (HT)
		Tiếng Việt	Tiếng Anh		Lý thuyết	Thực hành	Trải nghiệm	Tự học	
			Marxism and Leninism						
I.1.03	2GEN0013	Chủ nghĩa Xã hội khoa học	Scientific Socialism	2	30			60	
I.1.04	2GEN0007	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Ho Chi Minh Thought	2	30			60	
I.1.05	2GEN0014	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	History of The Communist Party of Vietnam	2	30			60	
I.2. Khoa học				7					
Bắt buộc									
I.2.01	2GEN0008	Pháp luật đại cương	General laws	2	30			60	
I.2.02	2ECM1302	Xây dựng kịch bản media và xử lý – dựng video	Media Scripting and Video Editing	3	30	30		70	
Tự chọn (Chọn 1 trong 3 môn)				2					
I.2.03	2BAS0005	Dẫn luận ngôn ngữ học	Introduction to Linguistics	2	30			60	
I.2.04	2BAS0003	Tiếng Việt thực hành	Vietnamese Language	2	30			60	
I.2.05	2BAS10006	Ngôn ngữ học đối chiếu	Contrastive Linguistics	2	30			60	
I.3. Ngoại ngữ (chọn 1 trong 4 nhóm môn)				12					
I.3.1 Tiếng Trung Quốc									
I.3.1.01	2LAN21430	Tiếng Trung Quốc 1	Chinese 1	3	45			90	
I.3.1.02	2LAN21431	Tiếng Trung Quốc 2	Chinese 2	3	45			90	2LAN21430 (HT)
I.3.1.03	2LAN21432	Tiếng Trung Quốc 3	Chinese 3	3	45			90	2LAN21431 (HT)
I.3.1.04	2LAN21433	Tiếng Trung Quốc 4	Chinese 4	3	45			90	2LAN21432 (HT)
I.3.2 Tiếng Pháp									
I.3.2.01	2LAN1434	Tiếng Pháp 1	French 1	3	45			90	
I.3.2.02	2LAN1435	Tiếng Pháp 2	French 2	3	45			90	2LAN1434 (HT)
I.3.2.03	2LAN1436	Tiếng Pháp 3	French 3	3	45			90	2LAN1435 (HT)
I.3.2.04	2LAN1437	Tiếng Pháp 4	French 4	3	45			90	2LAN1436 (HT)
I.3.3 Tiếng Nhật									
I.3.3.01	2LAN1438	Tiếng Nhật 1	Japanese 1	3	45			90	

STT	Mã HP	Tên học phần		Số TC	Phân bổ số giờ tín chỉ				Mã học phần tiên quyết (TQ)/ học trước (HT)
		Tiếng Việt	Tiếng Anh		Lý thuyết	Thực hành	Trải nghiệm	Tự học	
I.3.3.02	2LAN1439	Tiếng Nhật 2	Japanese 2	3	45			90	2LAN1438 (HT)
I.3.3.03	2LAN1440	Tiếng Nhật 3	Japanese 3	3	45			90	2LAN1439 (HT)
I.3.3.04	2LAN1441	Tiếng Nhật 4	Japanese 4	3	45			90	2LAN1440 (HT)
I.3.4 Tiếng Hàn Quốc									
I.3.4.01	2LAN1442	Tiếng Hàn Quốc 1	Korean 1	3	45			90	
I.3.4.02	2LAN1443	Tiếng Hàn Quốc 2	Korean 2	3	45			90	2LAN1442 (HT)
I.3.4.03	2LAN1444	Tiếng Hàn Quốc 3	Korean 3	3	45			90	2LAN1443 (HT)
I.3.4.04	2LAN1445	Tiếng Hàn Quốc 4	Korean 4	3	45			90	2LAN1444 (HT)
I.4. Tin học				6					
I.4.01	2GEN2096	Công cụ xử lý hình ảnh	Image Processing Tools	2	15	30		40	
I.4.02	2GEN2097	Công cụ quản lý dự án	Project Management Tools	2	15	30		40	
I.4.03	2GEN3098	Công cụ Phân tích & Trực quan dữ liệu	Data Analytics and Visualization Tools	2	15	30		40	
I.5. Văn hoá				2					
I.5.01	2BAS10002	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Fundamentals of Vietnamese Culture	2	30			60	
II.KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP									
II.1. Kiến thức cơ sở ngành				54					
Bắt buộc									
II.1.01	2ENG22206	Tiếng Anh nâng cao 1	Mastering English Language Skills 1	2	15	30		40	
II.1.02	2ENG13325	Kỹ năng thuyết trình	Presentation skills	3	45			90	
II.1.03	2BAS10014	Nghề vụ văn phòng	Office skills	2	30			60	
II.1.04	2BAS11007	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Research Methods	3	45			90	
II.1.05	2ENG11309	Nghe nâng cao 1	Advanced Listening 1	3	30	30		70	
II.1.06	2ENG11310	Nói nâng cao 1	Advanced Speaking 1	3	30	30		70	

STT	Mã HP	Tên học phần		Số TC	Phân bổ số giờ tín chỉ				Mã học phần tiên quyết (TQ)/ học trước (HT)
		Tiếng Việt	Tiếng Anh		Lý thuyết	Thực hành	Trải nghiệm	Tự học	
II.1.07	2ENG11311	Đọc nâng cao 1	Advanced Reading 1	3	30	30		70	
II.1.08	2ENG11312	Viết nâng cao 1	Advanced Writing 1	3	30	30		70	
II.1.09	2ENG11313	Nghe nâng cao 2	Advanced Listening 2	3	30	30		70	2ENG11309 (HT)
II.1.10	2ENG11314	Nói nâng cao 2	Advanced Speaking 2	3	30	30		70	2ENG11310 (HT)
II.1.11	2ENG11315	Đọc nâng cao 2	Advanced Reading 2	3	30	30		70	2ENG11311 (HT)
II.1.12	2ENG11316	Viết nâng cao 2	Advanced Writing 2	3	30	30		70	2ENG11312 (HT)
II.1.13	2ENG3224	Ngữ âm-âm vị học	Phonetics and Phonology	2	30			60	
II.1.14	2ENG3227	Hình thái học	Morphology	2	30			60	
II.1.15	2ENG3226	Cú pháp học	Syntax	2	30			60	
II.1.16	2ENG3225	Ngữ nghĩa học	Semantics	2	30			60	
II.1.17	2SOC11490	Văn hoá Mỹ	American Culture	3	45			90	
II.1.18	2ENG22467	Văn học Mỹ	Multi-Ethnic American Literature	3	45			90	
II.1.19	2ENG13421	Giao tiếp xuyên văn hóa	Cross-Cultural Communication	3	45			90	
Tự chọn (Chọn 1 trong 3 môn)				3					
II.1.20	2ENG4325	Viết học thuật	Academic Writing	3	45			90	
II.1.21	2ENG12401	Văn hóa Anh	British Culture	3	45			90	
II.1.22	2ENG2403	Văn học Anh	British Literature	3	45			90	
II.2. Kiến thức chuyên ngành				21					
II. 2.1. Bắt buộc									
II.2.1.1 Chuyên ngành Tiếng Anh giảng dạy									
II.2.1.1.0 ₁	2ENG12301	Lý thuyết giảng dạy tiếng Anh	Theory of English Language Teaching	3	45			90	
II.2.1.1.0 ₂	2BAS12012	Tâm lý học giáo dục	Introduction to Educational Psychology	3	45			90	
II.2.1.1.0 ₃	2ENG13427	Thực hành giảng dạy	Teaching Practice	3	30	30		70	2ENG12301 (TQ)
II.2.1.1.0 ₄	2ENG4336	Công nghệ trong giảng	Technology in Language	3	45			90	

STT	Mã HP	Tên học phần		Số TC	Phân bổ số giờ tín chỉ				Mã học phần tiên quyết (TQ)/ học trước (HT)
		Tiếng Việt	Tiếng Anh		Lý thuyết	Thực hành	Trải nghiệm	Tự học	
		dạy	teaching						
II.2.1.1.0 ₅	2ENG14337	Kiểm tra đánh giá trong giảng dạy ngoại ngữ	Testing & Assessment in English Language Teaching	3	45			90	
II.2.1.2. Chuyên ngành Tiếng Anh thương mại									
II.2.1.2.0 ₁	2ENG12302	Nhập môn Biên Phiên dịch	Introduction to Translation and Interpretation	3	30	30		70	
II.2.1.2.0 ₂	2LAN11458	Tiếng Anh thương mại	English for Business Professionals	3	45			90	
II.2.1.2.0 ₃	2LAN21459	Tiếng Anh chuyên ngành du lịch	English for Tourism Professionals	3	45			90	
II.2.1.2.0 ₄	2LAN21460	Tiếng Anh chuyên ngành nhân sự	English for Human Resources Professionals	3	45			90	
II.2.1.2.0 ₅	2ENG14338	Thực hành Biên dịch	Professional Translation Practice	3	45			90	2ENG12302 (HT)
II. 2.2. Tự chọn (Chọn 2 trong 5 môn)				6					
II.2.2.01	2ENG14341	Thiết kế khóa học ngoại ngữ	Designing and Developing an English Course	3	45			90	
II.2.2.02	2ENG14342	Phương pháp giảng dạy tiếng Anh nâng cao	Advanced English Teaching Methodologies	3	45			90	2ENG12301 (HT)
II.2.2.03	2ENG14423	Viết chuyên ngành thương mại	Business Writing	3	45			90	
II.2.2.04	2ENG14339	Biên dịch thương mại	Business Translation	3	45			90	2ENG12302 (HT)
II.2.2.05	2ENG14340	Thực hành Phiên dịch	Professional Interpretation Practice	3	45			90	2ENG12302 (HT)
II.3. Thực tập và khóa luận tốt nghiệp				10					
II.3.01	2CTS8331	Thực tập tốt nghiệp	Graduation Internship	3	45		90	15	
II.3.02	2CTS8749	Khoá luận tốt nghiệp	Graduation Thesis	7	105				
III. CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH, GIÁO DỤC THỂ CHẤT (theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo)									

STT	Mã HP	Tên học phần		Số TC	Phân bổ số giờ tín chỉ				Mã học phần tiên quyết (TQ)/ học trước (HT)
		Tiếng Việt	Tiếng Anh		Lý thuyết	Thực hành	Trải nghiệm	Tự học	
Bắt buộc, không tích lũy									
III.1.01	2GEN0001	Giáo dục quốc phòng và An ninh	National Defense Security Education and	11	165				
III.1.02	2GEN0002	Giáo dục thể chất	Physical Education	5		150			

- Một tín chỉ được quy định tối thiểu bằng 15 giờ học lý thuyết và 35 giờ tự học, nghiên cứu, trải nghiệm và dự kiểm tra, đánh giá; hoặc bằng 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận và 20 giờ tự học, nghiên cứu, trải nghiệm và dự kiểm tra, đánh giá;
- Một giờ học được tính bằng 50 phút.

10.3. Ma trận đáp ứng giữa các môn học và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:

MÔN HỌC	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo												
	PL O1	PL O2	PL O3	PL O4	PL O5	PL O6	PL O7	PL O8	PL O9	PL O10	PL O11	PL O12	PL O13
KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG													
Lý luận chính trị													
Triết học Mác - Lênin / Philosophy of Marxism and Leninism	M								I		I		
Kinh tế chính trị Mác - Lênin / Political Economics of Marxism and Leninism	M								I		I		
Chủ nghĩa Xã hội khoa học / Scientific Socialism	M								I		I		
Tư tưởng Hồ Chí Minh/Ho Chi Minh Thought	M								I		I		
Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam / History of The Communist Party of Vietnam	M								I		I		
Khoa học													
Bắt buộc													
Pháp luật đại cương / General laws	M					I			I			I	
Xây dựng kịch bản media và xử lý - dựng video / Media Scripting and Video Editing			M				I				I		I
Tự chọn													
Dẫn luận ngôn ngữ học / Introduction to Linguistics	I			I	I			I	I			I	
Tiếng Việt thực hành / Vietnamese Language	I			I	I			I	I			I	
Ngôn ngữ học đối chiếu / Contrastive	I			I	I			I	I			I	

MÔN HỌC	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo												
	PL O1	PL O2	PL O3	PL O4	PL O5	PL O6	PL O7	PL O8	PL O9	PL O10	PL O11	PL O12	PL O13
Linguistics													
Ngoại ngữ													
Tiếng Trung Quốc													
Tiếng Trung Quốc 1 / Chinese 1	I							I	I	I		I	
Tiếng Trung Quốc 2 / Chinese 2	I							I	I	R		I	
Tiếng Trung Quốc 3 / Chinese 3	I							I	I	M		I	
Tiếng Trung Quốc 4 / Chinese 4	I							I	I	M		I	
Tiếng Pháp													
Tiếng Pháp 1 / French 1	I							I	I	I		I	
Tiếng Pháp 2 / French 2	I							I	I	R		I	
Tiếng Pháp 3 / French 3	I							I	I	M		I	
Tiếng Pháp 4 / French 4	I							I	I	M		I	
Tiếng Nhật													
Tiếng Nhật 1 / Japanese 1	I									I		I	
Tiếng Nhật 2 / Japanese 2	I									R		I	
Tiếng Nhật 3 / Japanese 3	I									M		I	
Tiếng Nhật 4 / Japanese 4	I									M		I	
Tiếng Hàn Quốc													
Tiếng Hàn Quốc 1 / Korean 1	I			I			I			I		I	
Tiếng Hàn Quốc 2 / Korean 2	I			I			I			I		I	
Tiếng Hàn Quốc 3 / Korean 3	I			I			I			R		I	
Tiếng Hàn Quốc 4 / Korean 4	I			I			I			M		I	
Tin học													
Công cụ xử lý hình ảnh / Image Processing Tools			I				I				I		
Công cụ quản lý dự án / Project Management Tools			R				I				I		
Công cụ Phân tích & Trực quan dữ liệu / Data Analytics and Visualization Tools			M				I				I		I
Văn hoá													
Cơ sở văn hóa Việt Nam / Fundamentals of Vietnamese Culture	I			I	I			I	I			I	
KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP													
Kiến thức cơ sở ngành													
Bắt buộc													
Phương pháp nghiên cứu khoa học / Research Methods				M,A			R,A		M,A		R,A		
Nghệ vụ văn phòng / Office Skills		I,A		M,A	R,A			I,A	R,A			I,A	
Tiếng Anh nâng cao 1/ Mastering English Language Skills 1		R,A			I,A			I,A	I,A	M,A			I,A
Kỹ năng thuyết trình / Presentation skills		R,A			I,A			M,A	M,A	I,A			I,A
Nghe nâng cao 1 / Advanced Listening 1		R,A			I,A			I,A	R,A	R,A			I,A

MÔN HỌC	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo												
	PL O1	PL O2	PL O3	PL O4	PL O5	PL O6	PL O7	PL O8	PL O9	PL O10	PL O11	PL O12	PL O13
Nói nâng cao 1 / Advanced Speaking 1		R,A			I,A			I,A	R,A	R,A			I,A
Đọc nâng cao 1 / Advanced Reading 1		R,A			I,A			I,A	R,A	R,A			I,A
Viết nâng cao 1 / Advanced Writing 1		R,A			I,A			I,A	R,A	R,A			I,A
Nghe nâng cao 2 / Advanced Listening 2		R,A			I,A			I,A	M,A	M,A			M,A
Nói nâng cao 2 / Advanced Speaking 2		R,A			I,A			I,A	M,A	M,A			M,A
Đọc nâng cao 2 / Advanced Reading 2		R,A			I,A			I,A	M,A	M,A			M,A
Viết nâng cao 2 / Advanced Writing 2		R,A			I,A			I,A	M,A	M,A			M,A
Ngữ âm-âm vị học / Phonetics and Phonology		R,A			I,A			I,A	I,A	I,A			I,A
Hình thái học / Morphology		R,A		I,A	I,A			I,A	I,A	I,A			I,A
Cú pháp học / Syntax		R,A		I,A	I,A			I,A	I,A	I,A			I,A
Ngữ nghĩa học / Semantics		R,A		I,A	I,A			I,A	I,A	I,A			I,A
Văn hoá Mỹ / American Culture	M, A	I,A		I,A	I,A			I,A	I,A			I,A	
Văn học Mỹ / Multi-Ethnic American Literature	M, A	I,A		I,A				I,A	I,A			I,A	
Giao tiếp xuyên văn hóa / Cross-Cultural Communication		M, A		I,A	I,A			I,A	R,A	R,A			I,A
Tự chọn													
Viết học thuật / Academic Writing		R,A		R,A	I,A			I,A	I,A	M,A			I,A
Văn hóa Anh / British Culture	M, A	R,A		I,A	I,A			I,A	R,A				I,A
Văn học Anh / British Literature	R, A	I,A		I,A	I,A			I,A	R,A				I,A
Kiến thức chuyên ngành													
Bắt buộc													
Chuyên ngành Tiếng Anh giảng dạy													
Lý thuyết giảng dạy tiếng Anh / Theory of English Language Teaching		R,A		I,A	M,A	M,A	R,A	I,A	I,A	R,A	M,A	I,A	M,A
Tâm lý học giáo dục / Introduction to Educational Psychology		I,A		I,A				I,A	I,A	I,A			I,A
Thực hành giảng dạy / Teaching Practice		M, A		I,A	M,A	M,A	M, A	I,A	I,A	M,A	I,A	I,A	M,A
Công nghệ trong giảng dạy / Technology in Language teaching		M, A		I,A	I,A	M,A	M, A	I,A	M,A		I,A	I,A	
Kiểm tra đánh giá trong giảng dạy ngoại ngữ / Testing & Assessment in English Language Teaching		I,A	I,A	I,A	M,A	R,A	M, A	I,A	I,A	M,A	I,A	I,A	M,A
Chuyên ngành Tiếng Anh thương mại													
Nhập môn Biên Phiên dịch / Introduction to Translation and Interpretation		I,A		I,A	I,A			I,A	R,A	M,A			M,A
Tiếng Anh thương mại / English for Business Professionals		R,A		I,A	I,A	M,A	R,A	I,A	I,A	R,A	I,A	I,A	M,A
Tiếng Anh chuyên ngành du lịch /		R,A		I,A	I,A	M,A	R,A	I,A	I,A	R,A	I,A	I,A	M,A

MÔN HỌC	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo												
	PL O1	PL O2	PL O3	PL O4	PL O5	PL O6	PL O7	PL O8	PL O9	PL O10	PL O11	PL O12	PL O13
English for Tourism Professionals													
Tiếng Anh chuyên ngành nhân sự / English for Human Resources Professionals		R,A		I,A	I,A	I,A	R,A	I,A	M,A	M,A	I,A	I,A	M,A
Thực hành Biên dịch / Professional Translation Practice		M,A		I,A	M,A	M,A	M,A	I,A	I,A	R,A	M,A	M,A	M,A
Tự chọn													
Thiết kế khóa học ngoại ngữ / Designing and Developing an English Course		R,A		I,A	I,A	R,A	R,A	I,A	I,A	I,A	M,A	I,A	M,A
Phương pháp giảng dạy tiếng Anh nâng cao / Advanced English Teaching Methodologies		R,A				R,A	R,A	M,A			I,A		I,A
Viết chuyên ngành thương mại / Business Writing		I,A		I,A	I,A	M,A	R,A	I,A	I,A	R,A	I,A	I,A	M,A
Biên dịch thương mại / Business Translation		R,A		I,A	I,A	M,A	R,A	I,A	R,A	M,A	I,A	I,A	M,A
Thực hành Phiên dịch / Professional Interpretation Practice		M,A		I,A	I,A	M,A	M,A	M,A	I,A	R,A	M,A	M,A	M,A
Thực tập và khóa luận tốt nghiệp													
Thực tập tốt nghiệp / Graduation Internship		M,A	M,A		M,A	M,A	M,A	M,A	M,A	M,A	M,A	M,A	M,A
Khoá luận tốt nghiệp / Graduation Thesis		M,A	M,A	M,A	M,A	M,A	M,A	M,A	M,A	M,A	M,A		M,A
CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH, GIÁO DỤC THỂ CHẤT													
Bắt buộc, không tích lũy													
Giáo dục quốc phòng và An ninh/ National Defense and Security Education	I,A										M,A		
Giáo dục thể chất / Physical Education	I,A										M,A		

Ghi chú: Đánh giá mức độ đóng góp, hỗ trợ của các học phần vào việc đạt được các PLO theo một trong ba mức: **I** (Introduced)(3), **R** (Reinforced)(4), **M** (Mastery)(5):

- **Mức I (Introduced):** Học phần có hỗ trợ đạt được PLO ở mức giới thiệu/bắt đầu;
- **Mức R (Reinforced):** Học phần có hỗ trợ đạt được PLO ở mức nâng cao hơn mức giới thiệu/bắt đầu. Ở học phần này, người học có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế ...;
- **Mức M (Mastery):** Học phần hỗ trợ mạnh mẽ người học đạt được PLO ở mức thành thục/thành thạo;

Học phần cốt lõi - A (Assessed): Học phần bắt buộc hỗ trợ tối đa việc đạt được các PLO. Đây là học phần có ý nghĩa tiên quyết đối với ngành đào tạo chính trong một chương trình, cần được thu thập dữ liệu để đo lường đánh giá mức người học đạt được PLO. Trong bảng

ma trận, học phần cốt lõi được ký hiệu M,A hoặc R,A hoặc I,A.

10.4. Kế hoạch giảng dạy (dự kiến):

STT	Mã HP	Tên môn học		Số tín chỉ	Phân bổ số giờ tín chỉ				Ghi chú
		Tiếng Việt	Tiếng Anh		Lý thuyết	Thực hành	Trải nghiệm	Tự học	
Học kỳ 1									
1	2ECM1302	Xây dựng kịch bản media và xử lý - dựng video	Media Scripting and Video Editing	3	30	30		70	
2	2BAS10002	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Fundamentals of Vietnamese Culture	2	30			60	
3	2GEN2096	Công cụ xử lý hình ảnh	Image Processing Tools	2	15	30		40	
Tự chọn (chọn 1 trong 3 môn)				2					
4	2BAS0005	Dẫn luận ngôn ngữ học	Introduction to Linguistics	2	30			60	
	2BAS0003	Tiếng Việt thực hành	Vietnamese Language	2	30			60	
	2BAS10006	Ngôn ngữ học đối chiếu	Contrastive Linguistics	2	30			60	
Tổng số tín chỉ tích lũy HK1				9					
Tổng số tín chỉ HK1				9					
Học kỳ 2									
5	2ENG11309	Nghe nâng cao 1	Advanced Listening 1	3	30	30		70	
6	2ENG11310	Nói nâng cao 1	Advanced Speaking 1	3	30	30		70	
7	2ENG11311	Đọc nâng cao 1	Advanced Reading 1	3	30	30		70	
8	2ENG11312	Viết nâng cao 1	Advanced Writing 1	3	30	30		70	
Tổng số tín chỉ tích lũy HK2				12					
Tổng số tín chỉ HK2				12					
Học kỳ hè 1									
9	2GEN0002	Giáo dục thể chất 1	Physical Education 1	1		30		10	không tích lũy
10	2GEN2097	Công cụ quản lý dự án	Project Management Tools	2	15	30		40	
11	2GEN0011	Triết học Mác - Lênin	Philosophy of Marxism and Leninism	3	45			40	
12	2GEN0008	Pháp luật đại cương	General Laws	2	30			60	
Tổng số tín chỉ tích lũy HK hè 1				7					
Tổng số tín chỉ HK hè 1				8					
Học kỳ 3									
13	2GEN0002	Giáo dục thể chất 2	Physical Education 2	1		30		10	không tích lũy
14	2GEN0012	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Political Economics of	2	30			60	

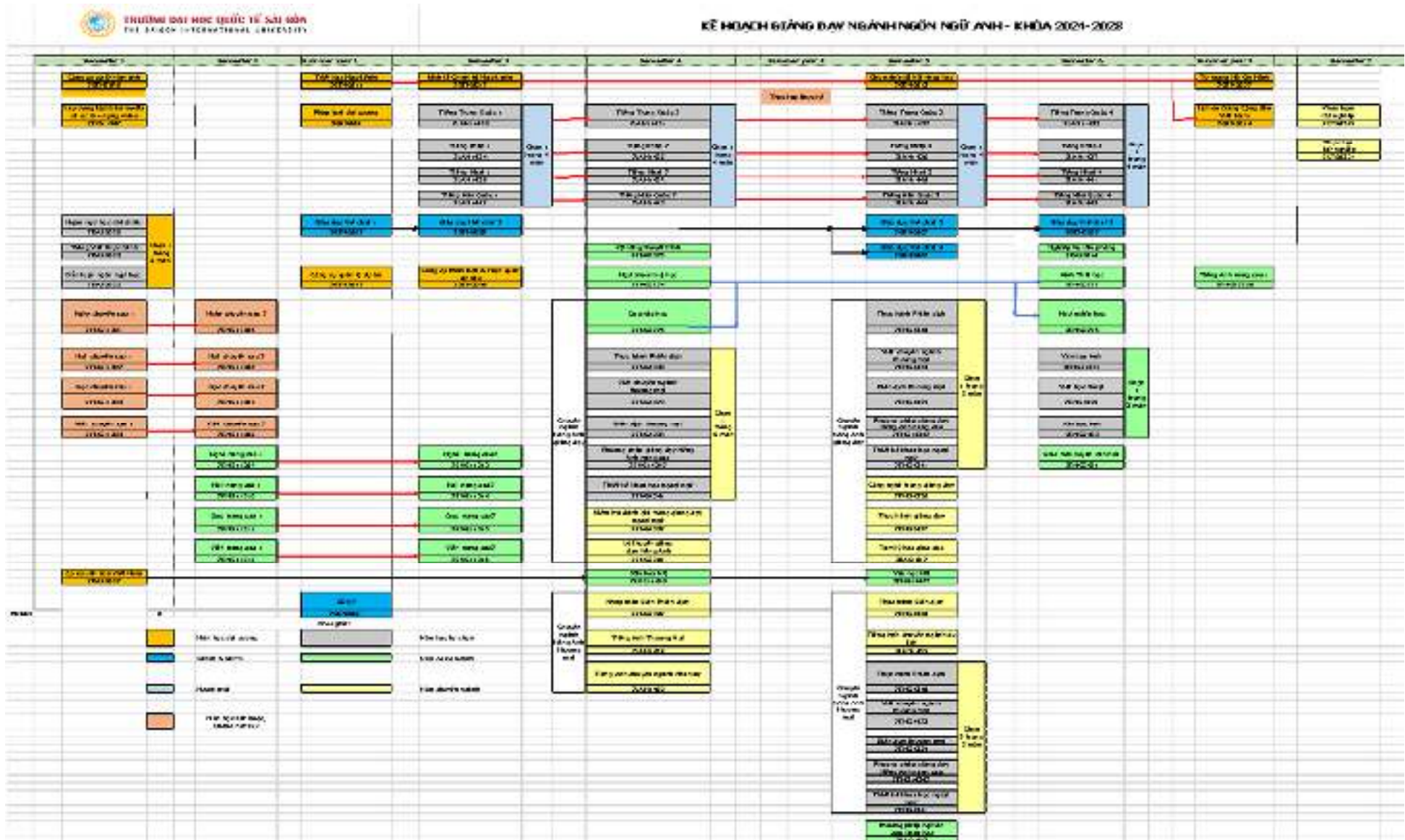
			Marxism and Leninism						
15	2GEN3098	Công cụ Phân tích & Trực quan dữ liệu	Data Analytics and Visualization Tools	2	15	30		40	
16	2ENG11313	Nghe nâng cao 2	Advanced Listening 2	3	30	30		70	đạt trình độ tương đương bậc 5
17	2ENG11314	Nói nâng cao 2	Advanced Speaking 2	3	30	30		70	
18	2ENG11315	Đọc nâng cao 2	Advanced Reading 2	3	30	30		70	
19	2ENG11316	Viết nâng cao 2	Advanced Writing 2	3	30	30		70	
Môn tự chọn (Chọn 1 trong 4 môn)				3					
20	2LAN21430	Tiếng Trung Quốc 1	Chinese 1	3	45			90	
	2LAN1434	Tiếng Pháp 1	French 1	3	45			90	
	2LAN1438	Tiếng Nhật 1	Japanese 1	3	45			90	
	2LAN1442	Tiếng Hàn Quốc 1	Korean 1	3	45			90	
Tổng số tín chỉ tích lũy HK3				19					
Tổng số tín chỉ HK3				20					
Học kỳ 4									
21	2SOC11490	Văn hoá Mỹ	American Culture	3	45			90	
22	2ENG13325	Kỹ năng thuyết trình	Presentation Skills	3	45			90	
23	2ENG3224	Ngữ âm-âm vị học	Phonetics and Phonology	2	30			60	
24	2ENG3226	Cú pháp học	Syntax	2	30			60	
Chuyên ngành Tiếng Anh giảng dạy									
25	2ENG12301	Lý thuyết giảng dạy tiếng Anh	Theory of English Language Teaching	3	45			90	
26	2ENG14337	Kiểm tra đánh giá trong giảng dạy ngoại ngữ	Testing & Assessment in English Language Teaching	3	45			90	
Tự chọn (chọn 1 trong 5 môn)				3					
27	2ENG14341	Thiết kế khóa học ngoại ngữ	Designing and Developing an English Course	3	45			90	
	2ENG14342	Phương pháp giảng dạy tiếng Anh nâng cao	Advanced English Teaching Methodologies	3	45			90	
	2ENG14423	Viết chuyên ngành thương mại	Business Writing	3	45			90	
	2ENG14339	Biên dịch thương mại	Business Translation	3	45			90	
	2ENG14340	Thực hành Phiên dịch	Professional Interpretation Practice	3	45			90	
Chuyên ngành Tiếng Anh thương mại									
25	2ENG12302	Nhập môn Biên Phiên dịch	Introduction to Translation and Interpretation	3	30	30		70	
26	2LAN11458	Tiếng Anh thương	English for	3	45			90	

		mại	Business Professionals						
27	2LAN21460	Tiếng Anh chuyên ngành nhân sự	English for Human Resources Professionals	3	45			90	
Môn tự chọn (Chọn 1 trong 4 môn)				3					
28	2LAN21431	Tiếng Trung Quốc 2	Chinese 2	3	45			90	
	2LAN1435	Tiếng Pháp 2	French 2	3	45			90	
	2LAN1439	Tiếng Nhật 2	Japanese 2	3	45			90	
	2LAN1443	Tiếng Hàn Quốc 2	Korean 2	3	45			90	
Tổng số tín chỉ tích lũy HK4				22					
Tổng số tín chỉ HK4				22					
Học kỳ 5									
29	2GEN0002	Giáo dục thể chất 4	Physical Education 4	1		30		10	<i>không tích lũy</i>
30	2GEN0013	Chủ nghĩa Xã hội khoa học	Scientific Socialism	2	30			60	
31	2GEN0002	Giáo dục thể chất 3	Physical Education 3	1		30		10	<i>không tích lũy</i>
32	2ENG22467	Văn học Mỹ	Multi-Ethnic American Literature	3	45			90	
33	2BAS11007	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Research Methods	3	45			90	
Chuyên ngành Tiếng Anh giảng dạy									
34	2ENG3427	Thực hành giảng dạy	Teaching Practice	3	30	30		70	
35	2ENG4336	Công nghệ trong giảng dạy	Technology in Language Teaching	3	45			90	
36	2BAS12012	Tâm lý học giáo dục	Introduction to Educational Psychology	3	45			90	
Môn tự chọn (Chọn 1 trong 5 môn)				3					
37	2ENG14341	Thiết kế khóa học ngoại ngữ	Designing and Developing an English Course	3	45			90	
	2ENG14342	Phương pháp giảng dạy tiếng Anh nâng cao	Advanced English Teaching Methodologies	3	45			90	
	2ENG14423	Viết chuyên ngành thương mại	Business Writing	3	45			90	
	2ENG14339	Biên dịch thương mại	Business Translation	3	45			90	
	2ENG14340	Thực hành Phiên dịch	Professional Interpretation Practice	3	45			90	
Chuyên ngành Tiếng Anh thương mại									
34	2ENG14338	Thực hành Biên dịch	Professional Translation Practice	3	45			90	
35	2LAN21459	Tiếng Anh chuyên ngành du lịch	English for Tourism Professionals	3	45			90	

Môn tự chọn (Chọn 2 trong 5 môn)				6					
36 37	2ENG14341	Thiết kế khóa học ngoại ngữ	Designing and Developing an English Course	3	45			90	
	2ENG14342	Phương pháp giảng dạy tiếng Anh nâng cao	Advanced English Teaching Methodologies	3	45			90	
	2ENG14423	Viết chuyên ngành thương mại	Business Writing	3	45			90	
	2ENG14339	Biên dịch thương mại	Business Translation	3	45			90	
	2ENG14340	Thực hành Phiên dịch	Professional Interpretation Practice	3	45			90	
Môn tự chọn (Chọn 1 trong 4 môn)				3					
38	2LAN21432	Tiếng Trung Quốc 3	Chinese 3	3	45			90	
	2LAN1436	Tiếng Pháp 3	French 3	3	45			90	
	2LAN1440	Tiếng Nhật 3	Japanese 3	3	45			90	
	2LAN1444	Tiếng Hàn Quốc 3	Korean 3	3	45			90	
Tổng số tín chỉ tích lũy HK5				23					
Tổng số tín chỉ HK5				25					
Học kỳ 6									
39	2GEN0002	Giáo dục thể chất 5	Physical Education 5	1		30		10	<i>không tích lũy</i>
40	2ENG13421	Giao tiếp xuyên văn hóa	Cross-Cultural Communication	3	45			90	
41	2BAS10014	Nghề vụ văn phòng	Office Skills	2	30			60	
42	2ENG3227	Hình thái học	Morphology	2	30			60	
43	2ENG3225	Ngữ nghĩa học	Semantics	2	30			60	
Môn tự chọn (Chọn 1 trong 3 môn)				3					
44	2ENG12401	Văn hóa Anh	British Culture	3	45			90	
	2ENG2403	Văn học Anh	British Literature	3	45			90	
	2ENG4325	Viết học thuật	Academic Writing	3	45			90	
Môn tự chọn (Chọn 1 trong 4 môn)				3					
45	2LAN21433	Tiếng Trung Quốc 4	Chinese 4	3	45			90	
	2LAN1437	Tiếng Pháp 4	French 4	3	45			90	
	2LAN1441	Tiếng Nhật 4	Japanese 4	3	45			90	
	2LAN1445	Tiếng Hàn Quốc 4	Korean 4	3	45			90	
Tổng số tín chỉ tích lũy HK6				15					
Tổng số tín chỉ HK6				16					
Học kỳ hè 2									
46	2GEN0014	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	History of The Communist Party of Vietnam	2	30			60	
47	2GEN10007	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Ho Chi Minh Thought	2	30			60	
48	2ENG22206	Tiếng Anh nâng cao 1	Mastering English Language Skills 1	2	15	30		40	

Tổng số tín chỉ tích lũy HK hè 3				6					
Tổng số tín chỉ HK hè 3				6					
Học kỳ 7									
49	2CTS8331	Thực tập tốt nghiệp	Graduation Internship	3	45		90		
50	2CTS8749	Khoá luận tốt nghiệp	Graduation Thesis	7	105				
Tổng số tín chỉ tích lũy HK7				10					
Tổng số tín chỉ HK7				10					

11. Sơ đồ chương trình giảng dạy:



12. Hướng dẫn thực hiện chương trình:

- Chương trình đào tạo được thực hiện theo Kế hoạch giảng dạy của Nhà trường.
- Các môn học được phân công giảng dạy bởi Khoa/Đơn vị quản lý môn học và được giảng dạy theo đề cương chi tiết môn học đã được phê duyệt.
- Việc tổ chức giảng dạy, kiểm tra, đánh giá môn học được thực hiện theo Quy chế học vụ và các quy chế, quy định có liên quan của Trường Đại học Tư thục Quốc tế Sài Gòn.

13. Mô tả môn học:

13.1 Triết học Mác - Lênin

Môn học trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác - Lênin và vai trò của triết học Mác - Lênin trong đời sống xã hội; những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, gồm vấn đề vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng; những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử.

13.2 Kinh tế chính trị Mác - Lênin

Nội dung môn học bao gồm những kiến thức về hàng hóa, thị trường; sản xuất giá trị thặng dư; cạnh tranh và độc quyền; kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam; quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

13.3 Chủ nghĩa xã hội khoa học

Môn học chủ nghĩa xã hội khoa học (CNXHKKH) là một trong ba bộ phận hợp thành của chủ nghĩa Mác - Lênin, là kết quả của sự vận dụng thế giới quan, phương pháp luận triết học Mác - Lênin và những học thuyết của kinh tế chính trị Mác - Lênin vào việc nghiên cứu quy luật tất yếu của sự ra đời hình thái kinh tế xã hội cộng sản chủ nghĩa.

13.4 Tư tưởng Hồ Chí Minh

Nội dung môn học bao gồm những kiến thức về: Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn Tư tưởng Hồ Chí Minh; cơ sở hình thành của tư tưởng Hồ Chí Minh; độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; về Đảng Cộng sản và Nhà nước Việt Nam; về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; về văn hóa, đạo đức và con người.

13.5 Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

Môn học trang bị cho sinh viên sự hiểu biết về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam và những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920-1930), quá trình Đảng lãnh đạo

cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930-1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975).

13.6 Pháp luật đại cương

Học phần Pháp luật đại cương giới thiệu các khái niệm, các phạm trù cơ bản về nhà nước và pháp luật dưới góc độ của khoa học pháp lý. Trên cơ sở đó học phần đi vào phân tích: cấu trúc của bộ máy Nhà nước, chức năng, nhiệm vụ, địa vị pháp lý của các cơ quan trong bộ máy Nhà nước CHXHCN Việt Nam; cơ cấu của hệ thống pháp luật.

13.7 Xây dựng kịch bản media và xử lý - dựng video

Môn học trình bày vai trò và ý nghĩa của hoạt động xây dựng kịch bản media và xử lý, dựng video để tăng khả năng thu hút khách hàng khi giới thiệu sản phẩm, dịch vụ trên thương mại điện tử. Sau khi học, sinh viên sẽ được trang bị các kiến thức về xây dựng kịch bản media và xử lý, dựng video, từ đó ứng dụng vào các hoạt động chuyên môn phù hợp.

13.8 Dẫn luận ngôn ngữ

Môn học cung cấp các kiến thức chung, các khái niệm về bản chất và chức năng của ngôn ngữ, cấu trúc ngôn ngữ, phân loại ngôn ngữ, nguồn gốc và sự phát triển của ngôn ngữ, đối tượng và nhiệm vụ của ngôn ngữ học; các kiến thức về ngữ âm và chữ viết, bao gồm sự kiện tiếng nói, sự khu biệt trong mặt biểu đạt của ngôn ngữ, chữ viết; khái niệm về nghĩa của từ trong hệ thống ngôn ngữ, trong cách dùng từ.

13.9 Tiếng Việt thực hành

Môn học được thiết kế thành 4 chương. Mỗi chương gồm hai phần chính được biên soạn đan xen vào nhau: giản yếu về lý thuyết và hệ thống bài tập thực hành. Chương 1 tập trung vào vấn đề chữ viết và chính tả. Chương 2 tập trung rèn luyện kỹ năng dung từ. Tương tự, nội dung chương 3 là rèn luyện kỹ năng về câu. Chương 4, rèn luyện kỹ năng tạo lập và tiếp nhận văn bản.

13.10 Ngôn ngữ học đối chiếu

Ngôn ngữ học đối chiếu là môn học được thiết kế nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về ngôn ngữ học, trên cơ sở đó sinh viên có thể có cái nhìn sắc sảo hơn theo quan điểm so sánh và đối chiếu về hai ngôn ngữ tự nhiên là tiếng Anh và tiếng Việt. Sinh viên rèn luyện để thành thạo trong việc xem xét những tương đồng và dị biệt giữa hai ngôn ngữ này tại nhiều cấp độ ngôn ngữ khác nhau như âm vị, hình vị, từ, ngữ đoạn, và câu.

13.11 Tiếng Trung Quốc 1

Môn học gồm 15 bài, mỗi bài được thiết kế với đầy đủ các nội dung như từ mới, bài khóa, chú thích, ngữ âm, ngữ pháp và bài tập. Thông qua việc giảng dạy và luyện tập trên lớp, hướng dẫn và giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng phát âm tiếng Trung Quốc, nắm vững 150 chữ và từ, biết cách sử dụng các mẫu câu cơ bản thường dùng. Sau khoá học, sinh viên đạt trình độ tương đương HSK cấp 1.

13.12 Tiếng Trung Quốc 2

Môn học gồm 15 bài, mỗi bài được thiết kế với đầy đủ các nội dung như từ mới, bài khóa, chú thích, ngữ âm, ngữ pháp và bài tập. Thông qua việc giảng dạy và luyện tập trên lớp, hướng dẫn và giúp sinh viên nắm vững thêm 150 chữ và từ, biết cách sử dụng các mẫu câu cơ bản thường dùng. Sau khoá học, sinh viên đạt trình độ tương đương HSK cấp 2.

13.13 Tiếng Trung Quốc 3

Môn học có 10 bài, mỗi bài gồm bài đọc, từ vựng, ngữ pháp, chú thích về văn hóa và cách sử dụng từ vựng, bài tập và bài đọc thêm. Thông qua việc giảng dạy và luyện tập trên lớp, hướng dẫn và giúp sinh viên nắm vững thêm 150 chữ và từ, biết cách sử dụng các mẫu câu cơ bản thường dùng. Sau khoá học, sinh viên đạt trình độ tương đương HSK cấp 3.

13.14 Tiếng Trung Quốc 4

Môn học có 10 bài, mỗi bài gồm bài đọc, từ vựng, ngữ pháp, chú thích về văn hóa và cách sử dụng từ vựng, bài tập và bài đọc thêm. Thông qua việc giảng dạy và luyện tập trên lớp, hướng dẫn và giúp sinh viên nắm vững thêm 150 chữ và từ, biết cách sử dụng các mẫu câu cơ bản thường dùng. Sau khoá học, sinh viên đạt trình độ tương đương HSK cấp 3.

13.15 Tiếng Pháp 1

Môn học tiếng Pháp 1 cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về từ vựng, ngữ pháp tiếng Pháp theo trình tự từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp. Môn học có 9 bài, mỗi bài gồm bài đọc, từ vựng, ngữ pháp, bài nghe, phần luyện phát âm và các bài tập thực hành. Sinh viên có thể nắm được kiến thức ngữ pháp căn bản của tiếng Pháp, biết sử dụng tiếng Pháp trong giao tiếp thông thường.

13.16 Tiếng Pháp 2

Môn học có 9 bài, mỗi bài gồm bài đọc, từ vựng, ngữ pháp, bài nghe, phần luyện phát âm và các bài tập thực hành. Môn học cung cấp cho người học kiến thức ngôn ngữ xoay quanh các chủ đề như du lịch, nhà hàng, khách sạn, ẩm thực hay giao thông. Sinh viên được cung cấp vốn từ vựng cần thiết về những chủ đề như nhà ở, đường xá, địa danh, hoạt động hàng ngày; những kiến thức ngữ pháp và ngữ âm cần thiết.

13.17 Tiếng Pháp 3

Môn học có 9 bài, mỗi bài gồm bài đọc, từ vựng, ngữ pháp, bài nghe, phần luyện phát âm và các bài tập thực hành. Môn học tiếp tục cung cấp cho người học kiến thức ngôn ngữ xoay quanh các chủ đề hàng ngày quen thuộc và như du lịch, nhà hàng, khách sạn, ẩm thực, giao thông.

13.18 Tiếng Pháp 4

Môn học có 10 bài, mỗi bài gồm bài đọc, từ vựng, ngữ pháp, bài nghe, phần luyện phát âm và các bài tập thực hành. Môn học cung cấp cho người học kiến thức ngôn ngữ và vốn từ vựng xoay quanh các chủ đề như du lịch, dự báo thời tiết, văn hóa Pháp, kế hoạch tương lai, kỷ niệm, tiểu sử. Sinh viên được cung cấp những kiến thức ngữ pháp và ngữ âm cần thiết.

13. 19. Tiếng Nhật 1

Môn học Tiếng Nhật 1 là môn tự chọn, thuộc khối kiến thức cơ bản. Môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức tiếng Nhật căn bản gồm 5 bài học đầu tiên về âm tiết và bảng chữ cái Hiragana, Katakana, Romaji; luyện cho sinh viên bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết, và những mẫu câu đối thoại đơn giản; đồng thời hình thành cho sinh viên phản xạ trong giao tiếp thông qua các bài hội thoại có nội dung ở trình độ sơ cấp. Kết thúc khóa học, sinh viên có trình độ đạt mức Sơ cấp 1 trong khung năng lực JLPT- N5.

13. 20. Tiếng Nhật 2

Môn học tiếng Nhật 2 là môn tự chọn, thuộc khối kiến thức cơ bản. Môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức tiếng Nhật căn bản gồm 6 bài học tiếp theo (từ bài 6-11) về ngữ pháp, từ vựng, đọc hiểu và chữ Kanji (71 chữ); luyện cho sinh viên bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết, và những mẫu câu đối thoại sinh hoạt; đồng thời hình thành cho sinh viên phản xạ trong giao tiếp thông qua các bài hội thoại có nội dung ở trình độ sơ cấp. Kết thúc khóa học, sinh viên có trình độ đạt mức Sơ cấp 2 trong khung năng lực JLPT- N5.

13. 21. Tiếng Nhật 3

Môn học tiếng Nhật 3 là môn tự chọn, thuộc khối kiến thức cơ bản. Môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức tiếng Nhật căn bản 3 gồm 7 bài học tiếp theo (từ bài 12-18) về từ vựng, ngữ pháp, đọc hiểu và chữ Kanji (72 chữ); luyện cho sinh viên bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết và hội thoại; đồng thời hình thành cho sinh viên phản xạ trong giao tiếp thông qua các bài hội thoại có nội dung ở trình độ sơ cấp. Kết thúc khóa học, sinh viên có trình độ đạt mức Sơ cấp 1 trong khung năng lực JLPT- N4.

13.22. Tiếng Nhật 4

Môn học tiếng Nhật 4 là môn tự chọn, thuộc khối kiến thức cơ bản. Môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức tiếng Nhật căn bản 4 gồm 7 bài học tiếp theo (từ bài 19-25) về từ vựng, ngữ pháp, đọc hiểu và chữ Kanji (77 chữ); luyện cho sinh viên bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết và hội thoại; đồng thời hình thành cho sinh viên phản xạ trong giao tiếp, và kỹ năng đọc hiểu thông qua các bài học có nội dung ở trình độ sơ cấp. Kết thúc khóa học, sinh viên có trình độ đạt mức Sơ cấp 2 trong khung năng lực JLPT- N4.

13.23. Tiếng Hàn Quốc 1

Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về bảng chữ cái tiếng Hàn, cấu trúc câu và từ vựng tiếng Hàn. Học phần gồm 6 đơn vị bài học về các chủ đề như giới thiệu bản thân, cuộc sống thường nhật, vị trí, mua sắm, ... Sinh viên hoàn thành học phần này có khả năng sử dụng tiếng Hàn cơ bản tương đương TOPIK I level 1. Qua học phần này, sinh viên còn được khuyến khích quan tâm tìm hiểu nền văn hóa Hàn Quốc, được hướng dẫn kỹ năng tự học để luôn trau dồi năng lực ngoại ngữ, khả năng làm việc độc lập và làm việc tương tác theo cặp/nhóm nhỏ.

13.24. Tiếng Hàn Quốc 2

Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản cấu trúc câu và từ vựng tiếng Hàn. Học phần gồm 6 đơn vị bài học về các chủ đề như giới thiệu thời tiết, ngày giờ, cuộc hẹn, hoạt động cuối tuần, lý do học tiếng Hàn... Sinh viên hoàn thành học phần này có khả năng sử dụng tiếng Hàn cơ bản tương đương TOPIK I level 1. Qua học phần này, sinh viên còn được khuyến khích quan tâm tìm hiểu nền văn hóa Hàn Quốc, được hướng dẫn kỹ năng tự học để luôn trau dồi năng lực ngoại ngữ, khả năng làm việc độc lập và làm việc tương tác theo cặp/nhóm nhỏ.

13.25. Tiếng Hàn Quốc 3

Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản cấu trúc câu và từ vựng tiếng Hàn. Học phần gồm 6 đơn vị bài học thuộc nhiều chủ đề khác nhau như hỏi thăm, hoạt động sở thích, ẩm thực, giao thông, tìm đường,... Sinh viên hoàn thành học phần này có khả năng sử dụng tiếng Hàn cơ bản tương đương TOPIK I level 2. Qua học phần này, sinh viên còn được khuyến khích quan tâm tìm hiểu nền văn hóa Hàn Quốc, được hướng dẫn kỹ năng tự học để luôn trau dồi năng lực ngoại ngữ, khả năng làm việc độc lập và làm việc tương tác theo cặp/nhóm nhỏ.

13.26. Tiếng Hàn Quốc 4

Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản cấu trúc câu và từ vựng tiếng Hàn. Học phần gồm 7 đơn vị bài học thuộc nhiều chủ đề khác nhau như gia đình, du lịch, sức khỏe, hợp mặt, quê hương, nói lại tâm trạng và cảm xúc, kế hoạch tương lai,... Sinh viên hoàn thành học phần này có khả năng sử dụng tiếng Hàn cơ bản tương đương TOPIK II level 3. Qua học phần này, sinh viên còn được khuyến khích quan tâm tìm hiểu nền văn hóa Hàn Quốc, được hướng dẫn kỹ năng tự học để luôn trau dồi năng lực ngoại ngữ, khả năng làm việc độc lập và làm việc tương tác theo cặp/nhóm nhỏ.

13.27. Công cụ xử lý hình ảnh

Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ứng dụng tin học trong quá trình thiết kế sản phẩm đồ họa. Môn học giới thiệu chi tiết các phương pháp ứng dụng phần mềm đồ họa Adobe Photoshop để thiết kế các sản phẩm quảng cáo, logo, các ấn phẩm đồ họa và trình bày một Poster đúng quy cách.

13.28. Công cụ quản lý dự án

Môn học nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng nền tảng, cần thiết để khai thác, sử dụng hiệu quả các công cụ tin học ứng dụng trong việc tổ chức, quản lý dự án.

13.29. Công cụ phân tích và trực quan dữ liệu

Học phần trang bị cho sinh viên một quy trình phân tích dữ liệu và sử dụng thành thạo một công cụ chuyển đổi và trực quan dữ liệu, từ đó có được các tri thức để có thể ra quyết định hỗ trợ khả năng quản trị doanh nghiệp, dự báo, hoạch định chiến lược phát triển.

13.30. Cơ sở văn hóa Việt Nam

Môn học trang bị cho sinh viên các kiến thức chung và chuyên sâu về văn hóa Việt Nam nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên học các môn học có liên quan và có kiến thức cần thiết cho công tác có liên quan đến lĩnh vực văn hóa sau này. Môn học cũng giúp sinh viên tìm hiểu các thành tố văn hóa: văn hóa nhận thức và văn hóa tổ chức cộng đồng; văn hóa giao tiếp ứng xử với môi trường tự nhiên và xã hội.

13.31. Tiếng Anh nâng cao 1

Tiếng Anh nâng cao 1 là một trong những môn học bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành Ngôn ngữ Anh. Môn học nhằm giúp sinh viên hệ thống lại kỹ năng ngôn ngữ. Ngoài ra giảng viên còn giúp cho sinh viên làm quen với cấu trúc và nội dung của một bài thi tiếng Anh kỹ năng tương đương bậc 5 theo khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam và cách làm bài thi hiệu quả.

13.32. Kỹ năng thuyết trình

Kỹ năng thuyết trình là môn học không thiên về kỹ năng ngôn ngữ, mà thiên về kỹ thuật diễn đạt ngôn ngữ (Tiếng Anh) và thuyết phục công chúng trong nhiều tình huống khác nhau. Sinh viên sẽ học cách phân tích đối tượng người nghe, tra cứu và phát triển nội dung trình bày kết hợp sử dụng các công cụ thuyết trình. Đồng thời, sinh viên học các kỹ năng và kỹ thuật diễn thuyết trước đám đông.

13.33. Nghiệp vụ văn phòng

Môn học giúp người học bước đầu làm quen với môi trường văn phòng nói chung vì kỹ năng văn phòng là một kỹ năng quan trọng trong mọi lĩnh vực kể cả trong giảng dạy tiếng Anh và doanh nghiệp. Các mảng công việc của một thư ký cũng như các thiết bị văn phòng cùng những giao dịch thường ngày sẽ được đề cập nhằm chuẩn bị kỹ năng văn phòng cho người học một cách chuyên nghiệp.

13.34. Phương pháp nghiên cứu khoa học

Môn học Phương pháp nghiên cứu khoa học được thiết kế để cung cấp cho sinh viên từ vựng, cấu trúc ngữ pháp, các cách viết liên quan đến việc viết các phần khác nhau của một bài khóa luận tốt nghiệp. Sau khi học xong môn này, sinh viên có thể phân tích và tổng hợp các phương pháp trình bày các chương quan trọng trong một bài khóa luận. Sinh viên cũng sẽ học về cách trích dẫn và giải thích để tránh vi phạm đạo văn từ các tác giả khác.

13.35. Nghe nâng cao 1

Môn học Nghe nâng cao 1 là môn dạy kỹ năng ngôn ngữ mức trung cấp. Sinh viên sẽ học kỹ năng nghe hiểu với các tình huống và chủ đề mang tính học thuật như kinh doanh, khoa học hành vi, tâm lý học phát triển, nghệ thuật, dinh dưỡng và giáo dục. Sinh viên được thực hành nghe hiểu nhiều thể loại khác nhau như bài hội thoại, bài thuyết trình hay bài giảng ngắn để hiểu ý chính và thông tin chi tiết của bài nghe.

13.36. Nói nâng cao 1

Môn học Nói nâng cao 1 là môn dạy kỹ năng ngôn ngữ mức trung cấp. Sinh viên sẽ học kỹ năng nói bằng tiếng Anh với các tình huống và chủ đề chủ đề mang tính học thuật như kinh doanh, khoa học hành vi, tâm lý học phát triển, nghệ thuật, dinh dưỡng và giáo dục. Sinh viên được thực hành các kỹ năng nói tiếng Anh, bao gồm kỹ năng kiểm tra thông tin, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng nhận xét, nêu ý kiến cá nhân, thảo luận nhóm, giải thích lý do.

13.37. Đọc nâng cao 1

Môn học Đọc nâng cao 1 là môn dạy kỹ năng ngôn ngữ mức trung cấp. Trọng tâm của môn học là áp dụng các kỹ năng đọc hiểu để phân tích các văn bản thuộc các chủ đề học thuật như xã hội học, hành vi khách hàng, tâm lý học phát triển, nhân loại học, khoa học dinh dưỡng, giáo dục. Đồng thời, môn học cũng hỗ trợ sinh viên bổ sung thêm vốn từ vựng thuộc các chủ đề trên.

13.38. Viết nâng cao 1

Môn học Viết nâng cao 1 là môn dạy kỹ năng ngôn ngữ mức trung cấp. Sinh viên tiếp tục phát triển kỹ năng viết các bài luận phân tích, mô tả, tường thuật, so sánh – đối chiếu, nguyên nhân – kết quả và bài tóm tắt một văn bản khác về một số chủ đề mang tính học thuật như xã hội học, nhân loại học, khoa học dinh dưỡng, giáo dục, tâm lý. Bên cạnh đó, sinh viên tiếp tục rèn luyện các kỹ năng phát triển từ vựng nhằm có thể tự mở rộng vốn từ.

13.39. Nghe nâng cao 2

Môn học Nghe nâng cao 2 là môn dạy kỹ năng ngôn ngữ nâng cao. Cụ thể, sinh viên có thể nghe hiểu các bài giảng, bài nói và thảo luận có tranh luận về các chủ đề học thuật, khoa học xã hội và khoa học tự nhiên ít quen thuộc. Ngoài ra, sinh viên cũng được cung cấp các kiến thức nâng cao về từ vựng, phát âm và ngôn ngữ chức năng để tăng độ chính xác và nhuần nhuyễn khi nghe tiếng Anh.

13.40. Nói nâng cao 2

Môn học Nói nâng cao 2 là môn dạy kỹ năng ngôn ngữ nâng cao. Sinh viên được cung cấp các kiến thức từ vựng nâng cao, phát âm và ngôn ngữ chức năng để tăng độ chính xác và nhuần nhuyễn khi sử dụng tiếng Anh trong các buổi thảo luận nhóm, tranh luận, thuyết trình đưa thông tin, thuyết minh dự án, thuyết trình để thuyết phục, thương lượng hoặc giải quyết mâu thuẫn.

13.41. Đọc nâng cao 2

Môn học Đọc nâng cao 2 là môn dạy kỹ năng ngôn ngữ mức nâng cao. Môn học giúp sinh viên phát triển những kiến thức và từ vựng đã có từ các môn học kỹ năng đọc trước đó. Đồng thời bổ sung các kỹ năng đọc ở dạng cao cấp hơn với nhiều thuật ngữ chuyên ngành thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau như ngôn ngữ học, xã hội học, ngành truyền thông, quan hệ quốc tế, quy hoạch đô thị, sinh thái học.

13.42. Viết nâng cao 2

Môn học Viết nâng cao 2 là môn dạy kỹ năng ngôn ngữ nâng cao. Môn học giúp sinh viên xây dựng các bài luận với độ dài tương đối một cách thống nhất, mạch lạc và chặt chẽ. Môn học sẽ hướng sinh viên đến việc làm quen với các văn bản khoa học, các bài khảo sát về hiện tượng ngôn ngữ học và các dạng bài nghiên cứu so sánh về văn hóa, đặt nền tảng kiến thức cũng như kỹ năng và phương pháp làm khóa luận tốt nghiệp sau này.

13.43. Ngữ âm - âm vị học

Môn học cung cấp kiến thức căn bản nhất về Ngữ âm học và Âm vị học tiếng Anh, bao gồm: hệ thống phụ âm và nguyên âm tiếng Anh; nhị trùng âm và tam trùng âm; âm vị và tha âm vị; các quy tắc ngữ âm học; âm tiết; trọng âm, thanh điệu, cao độ và ngữ điệu. Ngoài ra còn có phần củng cố kiến thức và bài tập thực hành đi kèm.

13.44. Hình thái học

Môn Hình thái học là môn học nhập môn thuộc nhóm môn Ngôn ngữ học tiếng Anh dựa trên lý thuyết ngôn ngữ của Chomsky. Môn học cung cấp kiến thức về cấu trúc bên trong của từ, cung cấp cho sinh viên một cái nhìn tổng quan về lý thuyết và phân tích hình thái đương đại. Sinh viên sẽ học các chủ đề như định nghĩa và phân loại hình vị, cách phân tích hình vị, quá trình hình thành từ, phân loại từ vựng.

13.45. Cú pháp học

Cú pháp học là môn học nhập môn thuộc nhóm môn Ngôn ngữ học tiếng Anh dựa trên lý thuyết ngôn ngữ của Chomsky. Môn học tập trung vào vận dụng thực tiễn chứ không đi sâu vào lý thuyết. Sinh viên sẽ học cấu trúc của câu và mối liên hệ giữa các yếu tố cấu thành câu.

13.46. Ngữ nghĩa học

Môn ngữ nghĩa học là môn học thuộc nhóm môn Ngôn ngữ học tiếng Anh. Môn học giới thiệu các khái niệm cơ bản về nghĩa và các đặc điểm của nghĩa, chủ yếu tập trung vào nghĩa của từ và một số phương diện thuộc nghĩa của câu. Nghĩa liên nhân được trình bày sơ lược để sinh viên nắm các khái niệm cơ bản.

13.47. Văn hóa Mỹ

Môn học cung cấp cho người học những kiến thức về địa lý, kinh tế, chính trị, giáo dục để làm nền tảng giải thích cho nền văn hóa đa dạng ở Mỹ. Môn học cũng giúp người học phân tích và lý giải về các hiện tượng văn hóa cũng như sự đa dạng của nó do tác động của các yếu tố lịch sử, văn hóa, kinh tế, chính trị. Môn học này được thiết kế giảng dạy theo mô hình Flipped class và Project-based.

13.48. Văn học Mỹ

Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về văn học Mỹ, đặc biệt nhóm văn học dân tộc thiểu số ở Hoa Kỳ. Thông qua khóa học này, sinh viên có cơ hội thực hành các kỹ năng trình bày, phân tích, thảo luận và làm việc theo nhóm. Khóa học này cũng giúp sinh viên cải thiện vốn từ vựng và kỹ năng sử dụng tiếng Anh thông qua các hoạt động thảo luận, làm việc nhóm.

13.49. Giao tiếp xuyên văn hóa

Môn học Giao tiếp xuyên văn hóa cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các nền văn hóa bao gồm sự đa dạng của văn hóa, sự mâu thuẫn và điều chỉnh giữa các nền văn hóa, giao tiếp dùng lời nói và không dùng lời nói, các mối quan hệ xã hội và các giá trị giữa các nền văn hóa khác nhau. Môn học cũng giúp sinh viên phát triển cái nhìn đa chiều về các nền văn hóa khác, tôn trọng sự khác biệt và các giá trị văn hóa để tránh những cú sốc về văn hóa hay sự đổ vỡ trong giao tiếp.

13.50. Viết học thuật

Môn học Viết học thuật cung cấp cho sinh viên cấu trúc của một bài nghiên cứu, nội dung của mỗi chương trong bài khóa luận và sự hiểu biết chung về các phương pháp nghiên cứu phổ biến. Môn học này giúp sinh viên phát triển kỹ năng viết học thuật và nắm vững các bước cần thiết khi viết một đề cương khóa luận. Môn học sẽ thúc đẩy sự đam mê của sinh viên đối với việc nghiên cứu và nâng cao nhận thức của sinh viên về các vấn đề đạo đức trong lĩnh vực học thuật.

13.51. Văn hóa Anh

Môn học cung cấp cho người học những kiến thức về địa lý, kinh tế, chính trị, giáo dục để làm nền tảng giải thích cho nền văn hóa đa dạng ở Anh. Môn học cũng giúp người học phân tích và lý giải về các hiện tượng văn hóa cũng như sự đa dạng của nó do tác động của các yếu tố lịch sử, văn hóa, kinh tế, chính trị. Những kiến thức về văn hóa Anh sẽ giúp người học ứng xử đúng mực trong môi trường làm việc đa văn hóa và xu hướng toàn cầu hóa.

13.52. Văn học Anh

Môn học này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lý luận phê bình văn học Anh, đặc biệt dựa trên các tác phẩm kịch của Shakespeare. Thông qua khóa học này, học sinh có cơ hội thực hành các kỹ năng thuyết trình, phân tích, thảo luận và làm việc theo

nhóm. Khóa học này cũng giúp học sinh cải thiện vốn từ vựng và kỹ năng Anh ngữ của mình.

13.53. Lý thuyết giảng dạy tiếng Anh

Trong môn học này, sinh viên được cung cấp lý thuyết về giảng dạy Tiếng Anh đang được phổ biến trên khắp thế giới, phương pháp tổ chức lớp học sao cho phù hợp với cách dạy và học các ngữ liệu (từ vựng, ngữ âm, cấu trúc ngữ pháp) theo hướng giao tiếp. Sinh viên áp dụng kỹ năng lập kế hoạch, kỹ năng giải quyết vấn đề vào việc tổ chức lớp và hướng dẫn học sinh học tập.

13.54. Tâm lý học giáo dục

Môn học Tâm lý học giáo dục trang bị cho sinh viên các kiến thức chung và chuyên sâu về tâm lý học và tâm lý lứa tuổi- sự phạm, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên học các học phần có liên quan và có kiến thức cần thiết cho công tác liên quan đến giảng dạy sau này.

13.55. Thực hành giảng dạy

Trong môn học này, sinh viên áp dụng các kiến thức cơ bản đã học trong môn học Lý thuyết giảng dạy Tiếng Anh và áp dụng các kiến thức đó vào việc thực tập giảng dạy chương trình Tiếng Anh cấp ba, qua cách dạy các ngữ liệu, các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết Tiếng Anh, cách tổ chức lớp, cách rèn luyện học sinh làm việc theo từng cặp, nhóm, cách kiểm tra, đánh giá học sinh, sao cho phù hợp với đường hướng giao tiếp.

13.56. Công nghệ trong giảng dạy

Môn học Công nghệ trong giảng dạy cung cấp sự liên kết giữa lý thuyết và thực hành trong việc sử dụng công nghệ trong việc giảng dạy ngoại ngữ, đặc biệt là tiếng Anh, với mục đích tích hợp công nghệ vào hoạt động dạy và học. Môn học trình bày các cách sử dụng công nghệ hiện đại khác nhau và giúp sinh viên làm quen với các công cụ, phần mềm và trang web hữu ích thông qua các bài tập thực tế tập trung vào các kỹ năng ngôn ngữ.

13.57. Kiểm tra và đánh giá trong giảng dạy ngoại ngữ

Môn học Kiểm tra và đánh giá trong giảng dạy ngoại ngữ cung cấp các nguyên lý nền tảng cho việc đánh giá và thiết kế các quy trình đánh giá trong đó tập trung vào việc đánh giá trong lớp học cũng như hướng dẫn đánh giá tất cả các kỹ năng tiếng Anh (nghe, nói, đọc, viết). Môn học cung cấp các kỹ thuật đánh giá việc thiết kế một bài kiểm tra, các vấn đề liên quan đến đánh giá trong lĩnh vực giáo dục và thương mại và các cách thức đánh

giá khác nhau.

13.58. Nhập môn biên phiên dịch

Môn học cung cấp cho người học những kiến thức cơ sở về lý thuyết dịch, phân biệt kỹ thuật biên dịch và phiên dịch, các chiến lược dịch, kỹ thuật, kỹ năng cần thiết cho công tác biên phiên dịch. Môn học cũng trang bị cho người học các kỹ năng, tiêu chuẩn đạo đức và những đòi hỏi của nghề biên phiên dịch để người học định hướng và chuẩn bị cho nghề nghiệp tương lai.

13.59. Tiếng Anh thương mại

Môn học Tiếng Anh thương mại được thiết kế là một môn kiến thức ngành tự chọn đối với sinh viên năm thứ 3 hoặc thứ 4 ngành Ngôn ngữ Anh có ý định kiếm việc làm trong bối cảnh kinh doanh. Trong môn học, sinh viên sẽ được học một loạt các tình huống kinh doanh; phát triển các kỹ năng giao tiếp và giao tiếp qua điện thoại trong môi trường kinh doanh; học những kiến thức cơ bản và các khái niệm kinh doanh chính.

13.60. Tiếng Anh chuyên ngành du lịch

Môn học tiếng Anh du lịch cung cấp cho người học từ vựng tiếng Anh chuyên ngành du lịch, tập trung vào các mảng đề tài như các loại hình lưu trú, nhà hàng, ngôn ngữ thực hành hướng dẫn du khách, các phương tiện đi lại. Từ đó sinh viên có thể vận dụng kiến thức đã học được vào các tình huống giao tiếp cơ bản. Môn học còn tạo điều kiện cho các em có cơ hội thực hiện các đề án nhỏ tạo ra các sản phẩm phục vụ cộng đồng.

13.61. Tiếng Anh chuyên ngành nhân sự

Môn học tiếng Anh nhân sự cung cấp cho sinh viên một loạt các tình huống về nghiệp vụ quản lý nhân sự; phát triển các kỹ năng tìm kiếm, nắm bắt cơ hội việc làm với vai trò là người lao động; hoặc học những kiến thức cơ bản và các khái niệm quản lý nhân sự chính với vai trò là người quản lý lao động.

13.62. Thực hành biên dịch

Môn học được thiết kế nhằm cung cấp cho sinh viên phần giới thiệu ngắn gọn về các kỹ năng biên dịch, các phẩm chất cần thiết của một biên dịch viên và các chiến lược biên dịch. Môn học cũng giúp sinh viên có cơ hội áp dụng các cấu trúc hữu ích và các thành ngữ vào trong việc dịch câu, đoạn và bài hoàn chỉnh thuộc các chủ đề khác nhau. Môn học cũng cho phép sinh viên thảo luận các vấn đề có thể phát sinh trong quá trình biên dịch và đưa ra các giải pháp.

13.63. Thiết kế khóa học ngoại ngữ

Môn học Thiết kế khóa học ngoại ngữ dành cho sinh viên chọn việc giảng dạy tiếng Anh là nghề nghiệp của bản thân trong tương lai. Môn học cung cấp cho người học các lý thuyết, quá trình và kỹ thuật trong việc thiết kế đề cương cho một môn học tiếng Anh. Kiến thức và kỹ năng trong môn học này sẽ giúp cho sinh viên làm việc độc lập và hiệu quả trong lĩnh vực giảng dạy trong tương lai.

13.64. Phương pháp giảng dạy tiếng Anh nâng cao

Môn học này được thiết kế để trang bị cho sinh viên nền tảng lý thuyết về các phương pháp tiếp cận và nguyên tắc giảng dạy tiếng Anh như một ngoại ngữ. Môn học cũng thảo luận về những thay đổi đáng kể trong giáo dục với trọng tâm là dạy và học tiếng Anh trong nước và trên toàn thế giới. Sinh viên có thể hiểu rõ hơn về các phương pháp giảng dạy ngôn ngữ hiện đại thông qua nhiều phương thức giảng dạy khác nhau, ví dụ: bài giảng, thuyết trình, tranh luận, giải quyết vấn đề hoặc thảo luận nhóm. Ngoài ra, trong suốt môn học, sinh viên còn có cơ hội tích lũy kinh nghiệm giảng dạy thực tế thông qua các buổi giảng dạy minh họa. Khi kết thúc môn học, sinh viên được yêu cầu vận dụng kiến thức lý thuyết và thực tiễn để tiến hành tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng trong một buổi giảng dạy.

13.65. Viết chuyên ngành thương mại

Viết chuyên ngành thương mại là môn học lý thuyết, giới thiệu cho sinh viên một số loại văn thư phổ biến trong giao dịch thương mại và tập trung vào các kỹ năng viết tiếng Anh trong môi trường kinh doanh. Học phần bao gồm 13 chương với các nội dung cơ bản sau: các dạng văn thư thương mại, vai trò của văn thư trong môi trường kinh doanh, cách trình bày và diễn đạt khi soạn thảo các dạng văn thư thương mại khác nhau

13.66. Biên dịch thương mại

Biên dịch thương mại là môn học lý thuyết, cung cấp những kiến thức chuyên môn và kỹ năng sử dụng ngôn ngữ Anh trong biên dịch các lĩnh vực thương mại. Học phần bao gồm 13 chương với các nội dung cơ bản sau: Phân tích văn bản cần dịch, các quy trình và phương pháp dịch thuật, quan hệ giữa dịch thuật và văn hóa.

13.67. Thực hành phiên dịch

Môn học được thiết kế nhằm cung cấp cho sinh viên phần giới thiệu ngắn gọn về các mô hình phiên dịch và các phẩm chất cần thiết của một phiên dịch viên giỏi. Bên cạnh đó, môn học cũng cung cấp cho sinh viên cơ hội thực hành phiên dịch các văn bản nói thuộc các chủ đề khác nhau và trong những tình huống khác nhau. Môn học cũng cho phép sinh viên

thảo luận các vấn đề có thể phát sinh trong quá trình phiên dịch và đưa ra các giải pháp.

13.68. Thực tập tốt nghiệp

Thực tập tốt nghiệp là học phần có khối lượng 3 tín chỉ cho sinh viên đại học, thời gian thực tập 14 tuần. Sinh viên phải tham gia đợt thực tập thực tế 8 tuần sau năm thứ 2 mới đủ điều kiện tham gia thực tập tốt nghiệp. Đây là đợt thực tập tập trung, sinh viên sẽ thực tập tại các doanh nghiệp và tổ chức thuộc các lĩnh vực sản xuất, dịch vụ, du lịch, khách sạn, đào tạo, ngoại giao, truyền thông, v.v nhằm mục đích tìm hiểu về môi trường làm việc thực tế của chuyên ngành, đồng thời phát triển kiến thức và kỹ năng căn bản cho công việc sau này. Kết quả thực tập được trình bày trong báo cáo thực tập theo như tài liệu hướng dẫn của Khoa.

13.69. Khóa luận tốt nghiệp

Học phần này dành cho sinh viên năm cuối ngành Ngôn ngữ Anh. Thời gian làm khóa luận/đồ án tốt nghiệp kết hợp với thời gian thực tập chuyên môn cuối khóa và hoàn thành sau một tháng kết thúc 14 tuần thực tập. Sinh viên viết khóa luận dưới sự hướng dẫn của một giảng viên có kinh nghiệm do khoa chỉ định. Sinh viên phải tuân thủ các yêu cầu và quy trình thực hiện một khóa luận tốt nghiệp, từ việc chọn đề tài, thiết kế đề cương, lựa chọn phương pháp nghiên cứu, thu thập và xử lý dữ liệu, cũng như trình bày và bảo vệ đề tài trước hội đồng. Qua học phần này, sinh viên sẽ rèn luyện được kỹ năng nghiên cứu độc lập, kỹ năng tìm kiếm, thu thập và chọn lọc tài liệu cũng như kỹ năng phân tích, tổng hợp và tư duy phê phán.

Lưu ý: Đóng kèm toàn bộ đề cương các môn học trong CTĐT.

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG KHOA